

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin từ IHS Markit, chỉ số nhà quản trị mua hàng PMI tháng 2 của Việt Nam tiếp tục tăng lên mức 51.6 điểm, cho thấy sức khỏe lĩnh vực sản xuất tiếp tục được cải thiện

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với sự phục hồi của TTCK toàn cầu.

## [Thông tin doanh nghiệp]

VIB, MWG

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị nắm giữ vị thế trung hạn và chờ các phiên tăng vượt đỉnh để chốt lời 1 phần vị thế ngắn hạn đã mở lại

01/03/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,186.17	+1.51
VN30	1,191.83	+1.55
HĐTL VN30F1M	1,193.00	+1.62
HNXIndex	252.37	+1.26
HNX30	375.25	+2.69
UPCoM	77.15	+0.67
USD/VND	23,025	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.33	-3
Lãi suất qua đêm (%)	0.27	+13
Dầu (WTI, \$)	62.61	+1.80
Vàng (LME, \$)	1,749.68	+0.90



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,186.17 (+1.51%)  
**KLGD (triệu CP)** 643.4 (+26.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 696.0 (+7.7%)

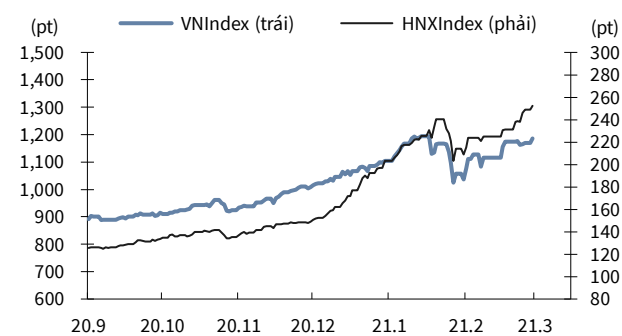
**HNXIndex** 252.37 (+1.26%)  
**KLGD (triệu CP)** 127.0 (+3.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 91.9 (+11.1%)

**UPCoM** 77.15 (+0.67%)  
**KLGD (triệu CP)** 92.4 (+0.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 45.4 (+55.2%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -9.9

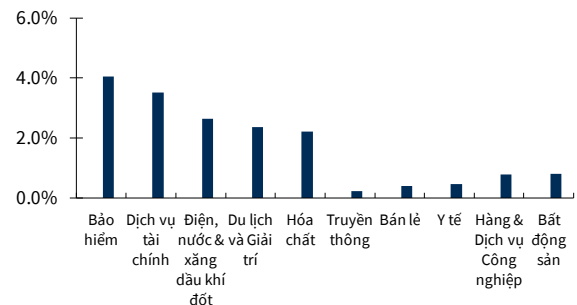
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin từ IHS Markit, chỉ số nhà quản trị mua hàng PMI tháng 2 của Việt Nam tiếp tục tăng lên mức 51.6 điểm, cho thấy sức khỏe lĩnh vực sản xuất tiếp tục được cải thiện. Tổ chức Đường Quốc tế (ISO) vừa dự báo thiếu hụt đường trên toàn cầu trong niên vụ 2020-2021 sẽ tăng lên 4.8 triệu tấn, nhiều hơn mức 3.5 triệu tấn trong dự báo trước đây do dịch bệnh và hạn hán giúp cổ phiếu ngành đường tăng giá như LSS (+6.8%), SBT (+5.5%), SLS (+3.8%). Theo Nikkei, bất ổn chính trị Myanmar có thể đẩy dòng vốn sang Việt Nam, Campuchia tác động tích cực đến cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp SNZ (+6.3%), ITA (+2.8%). Cổ phiếu cảng biển tăng giá ở VSC (+3.3%), GMD (+2.5%) trước thông tin từ Tổng cục thống kê, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 2 tháng đầu năm nay ước tính đạt 95.81 tỷ USD (+24.5% yoy). Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng ở HPG (+1.3%), CTG (+2.3%), VNM (+0.8%).

## VNIndex & HNXIndex



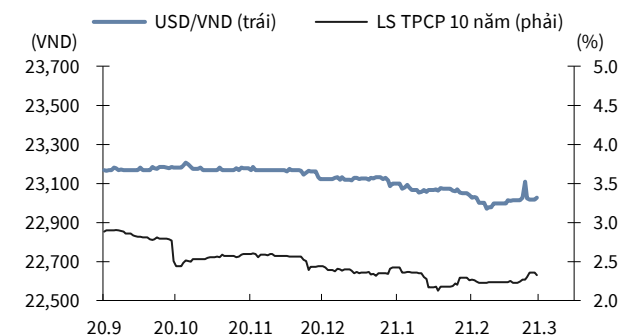
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



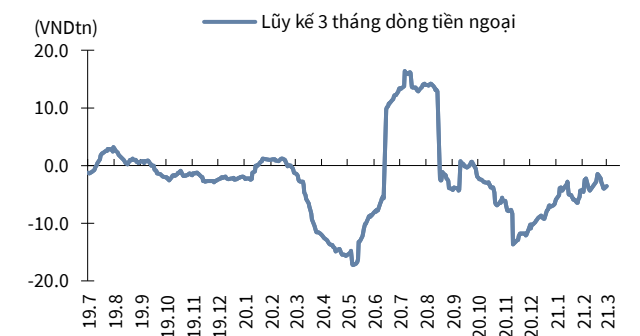
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

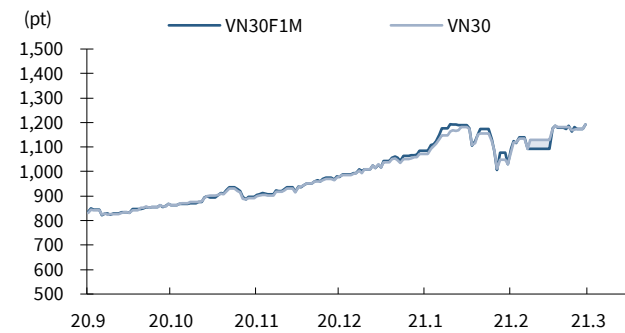
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,191.83 (+1.55%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,193.0 (+1.62%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,183.5</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,194.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,182.4</b>

HĐTL tăng điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với sự phục hồi của TTCK toàn cầu. Chênh lệch F2103 và VN30 mở cửa ở mức 9.9 và giao động ở trong biên độ -0.5 và 3.2, đóng cửa ở mức 1.17. NĐTNN bán ròng nhẹ trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường suy giảm.

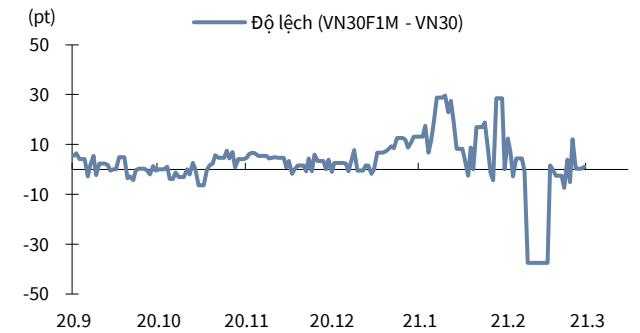
**KLGD (HĐ)**      **105,683 (-47.4%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



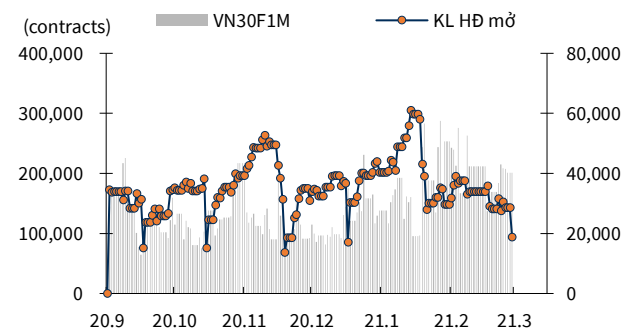
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



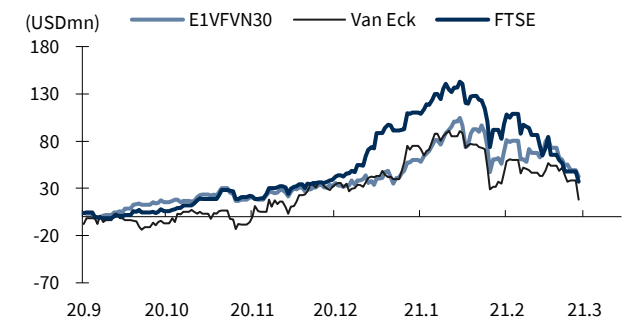
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

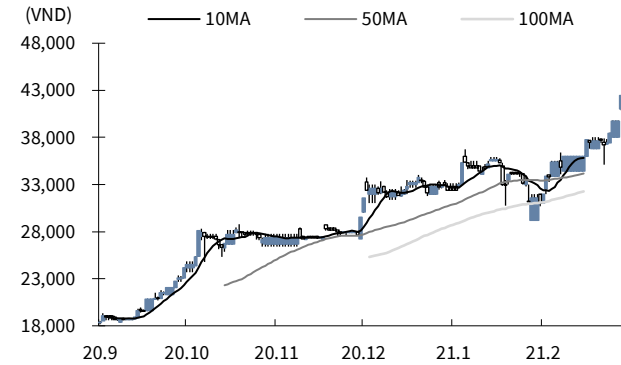
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

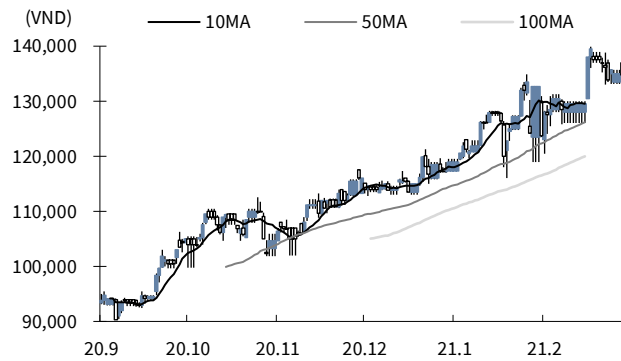
## Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIB tăng 6.9% lên 42,450 VNĐ/cp.
- VIB công bố kế hoạch kinh doanh 2021 với lợi nhuận trước thuế 7,510 tỷ đồng (+29.4% YoY) và tăng trưởng tín dụng 31%.
- Ngân hàng cũng trình cổ đông phương án tăng vốn bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ tối đa là 40% và phát hành chào bán tối đa 46 triệu cổ phiếu.

## Thế Giới Di Động (MWG)



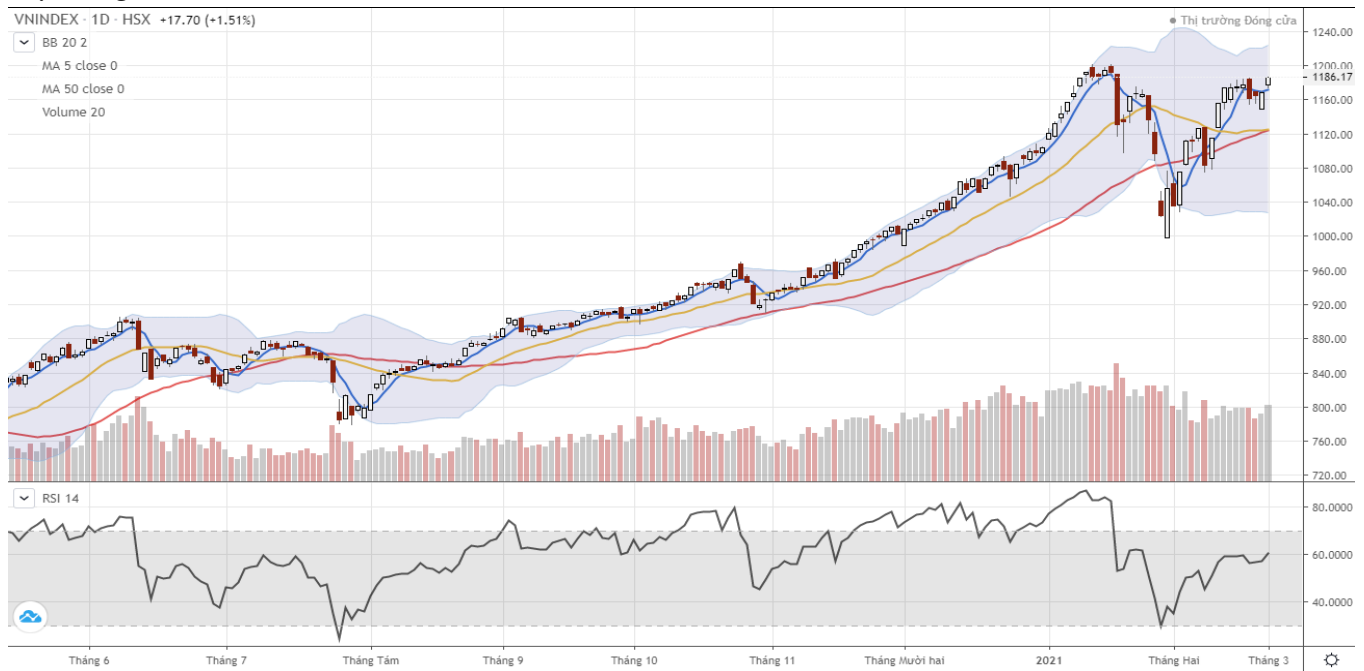
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG giảm -0.1% xuống 134,800 VNĐ/cp.
- MWG công bố tình hình kinh doanh tháng 1/2021 với lợi nhuận 494 tỷ đồng (-10.7% yoy) và doanh thu 11,049 tỷ đồng (-8.4% yoy). Trong đó, TGDĐ và ĐMX đạt hơn 8,700 tỷ doanh thu (+24% qoq) nhờ mở rộng mạnh mẽ chuỗi ĐMX supermini và đóng góp tích cực các ngành hàng chính.
- Năm 2021, MWG lên kế hoạch nâng số cửa hàng ĐMX Supermini lên 1,000 cửa hàng và BHX điện tích lớn hơn 500m2 lên 500 cửa hàng, gấp lần lượt 3.3 và 2.7 lần so với năm 2020.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm ngay từ đầu phiên và tiếp tục mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Việc vượt qua vùng cản gần tại 1172 - 1177 đã mở ra cơ hội thử thách lại vùng đỉnh lịch sử quanh 1210 của chỉ số với khả năng vượt đỉnh là hiện hữu. Mặc dù vậy, do nhịp tăng điểm vừa qua có phần "gấp gáp" nên lượng cung giá cao vẫn còn tiềm ẩn khá lớn và sẽ gây ra áp lực rung lắc cho thị trường trong quá trình đi lên.
- NĐT được khuyến nghị nắm giữ vị thế trung hạn và chờ các phiên tăng vượt đỉnh để chốt lời 1 phần vị thế ngắn hạn đã mở lại.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1210 - 1215

**Kháng cự gần:** 1201 - 1205

**Hỗ trợ gần:** 1187 - 1190

**Hỗ trợ xa:** 1177 - 1182

— F1 mở gap tăng điểm ngay từ đầu phiên và tiếp tục mở rộng đà tăng về cuối phiên.

— Việc vượt qua vùng cản gần tại 1184 - 1189 đã mở ra cơ hội thử thách lại đỉnh cũ quanh 1200 của chỉ số với khả năng vượt đỉnh là hiện hữu. Mặc dù vậy, diễn biến rung lắc sẽ còn gây sức ép lên F1 trong quá trình đi lên.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục ưu tiên mở vị thế LONG tại các nhịp điều chỉnh về quanh hỗ trợ và chốt lời quay vòng khi chỉ số vượt đỉnh.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

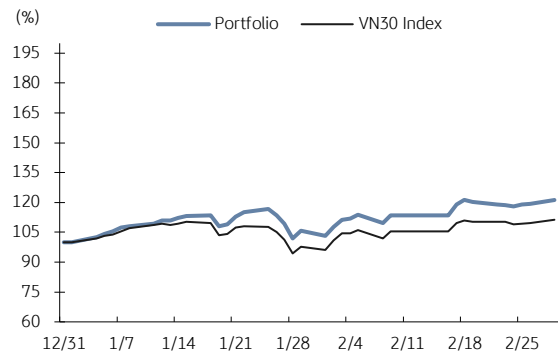
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.55%	1.39%
Tăng lũy kế (YTD)	11.31%	21.10%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 01/03/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	134,800	-0.1%	16.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	36,900	1.9%	50.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	84,700	-0.2%	10.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,350	2.5%	66.8%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	56,900	0.4%	67.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	77,900	2.2%	132.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	38,100	2.3%	56.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	91,900	2.9%	25.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,200	1.3%	136.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	39,300	0.8%	186.9%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLX	1.4%	15.2%	130.0
HSG	5.7%	9.0%	20.7
SSI	5.4%	43.7%	19.4
STB	4.1%	9.4%	16.5
PDR	2.1%	1.2%	16.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	1.3%	30.8%	-166.9
CTG	2.3%	28.3%	-95.8
VNM	0.8%	57.5%	-79.3
HDG	1.1%	12.8%	-45.7
KDH	1.9%	36.9%	-25.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVB	2.7%	8.2%	0.9
SHB	1.9%	5.4%	0.6
SZB	1.5%	6.0%	0.6
EID	-3.5%	23.7%	0.5
LAS	4.8%	0.1%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	4.1%	9.4%	-15.2
HUT	4.0%	3.3%	-2.6
S99	-3.7%	0.6%	-2.5
INN	1.6%	9.8%	-2.1
VCS	2.3%	3.6%	-1.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	7.4%	HVN, VJC
Tài nguyên Cơ bản	6.6%	HPG, HSG
Hóa chất	4.5%	GVR, DGC
Dịch vụ tài chính	4.1%	SSI, VIX
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.5%	RAL, GIL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-2.8%	YEG, PNC
Bất động sản	-1.5%	VHM, VIC
Thực phẩm và đồ uống	-1.5%	VNM, MSN
Bán lẻ	-0.8%	MWG, FRT
Ô tô và phụ tùng	-0.6%	SVC, TCH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	25.2%	GVR, DGC
Dầu khí	24.4%	PLX, PVD
Dịch vụ tài chính	21.0%	SSI, HCM
Tài nguyên Cơ bản	20.9%	HPG, HSG
Công nghệ thông tin	19.8%	FPT, CMG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-1.9%	YEG, PNC
Y tế	4.4%	OPC, SPM
Thực phẩm và đồ uống	7.5%	VCF, BBC
Xây dựng và Vật Liệu	9.0%	ROS, SII
Ô tô và phụ tùng	9.3%	SVC, TCH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	108,500	366,994 (15,940)	149,962 (6.5)	22.6	44.5	31.3	11.1	8.5	11.0	3.5	3.1	-0.5	-1.1	9.6	0.3
	VHM	VINHOMES JSC	103,000	338,820 (14,716)	300,081 (13.0)	26.6	10.9	8.8	37.1	30.6	29.4	3.0	2.3	1.4	-2.6	16.6	15.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,250	77,827 (3,380)	187,397 (8.1)	17.9	25.4	18.8	-7.6	10.2	12.3	2.5	2.3	3.2	0.3	14.2	9.1
	NVL	NO VA LAND INVES	79,700	84,797 (3,683)	184,198 (8.0)	31.6	19.6	17.6	6.4	12.1	11.5	2.5	2.2	0.1	-1.4	-0.5	22.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	32,500	18,161 (789)	47,244 (2.1)	12.1	15.0	10.2	17.7	15.0	19.0	2.1	1.8	1.9	-4.1	8.7	10.9
DXG	DAT XANH GROUP	23,850	12,361 (537)	192,331 (8.4)	14.3	10.0	8.9	-	19.0	18.4	1.6	1.4	1.5	-4.2	30.7	49.5	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	99,200	367,921 (15,980)	141,123 (6.1)	6.3	17.8	14.3	17.8	20.6	21.4	3.2	2.7	1.0	-1.4	8.9	1.3
	BID	BANK FOR INVESTM	44,100	177,371 (7,704)	72,942 (3.2)	12.7	18.1	11.6	4.9	12.8	16.5	2.0	1.8	1.1	0.8	12.8	-7.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	40,200	140,897 (6,120)	608,928 (26.5)	0.0	9.4	8.2	14.4	18.3	17.7	1.6	1.3	2.4	4.1	24.8	27.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	38,100	141,862 (6,161)	373,812 (16.2)	1.7	10.6	8.5	61.0	15.3	16.0	1.5	1.3	2.3	3.0	19.1	10.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	40,800	100,154 (4,350)	252,394 (11.0)	0.0	8.8	7.4	18.8	19.3	19.0	1.6	1.3	2.0	-0.4	31.6	25.5
	MBB	MILITARY COMMERC	28,350	79,345 (3,446)	511,713 (22.2)	0.0	7.8	6.5	14.6	20.0	20.3	1.4	1.2	2.5	6.2	28.9	24.4
	HDB	HDBANK	25,800	41,119 (1,786)	100,858 (4.4)	4.1	-	-	23.4	-	-	-	-	2.6	0.0	16.2	8.6
	STB	SACOMBANK	19,100	34,450 (1,496)	413,116 (17.9)	14.2	13.2	7.9	32.4	9.1	13.5	1.1	1.0	4.1	2.7	18.6	13.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	28,000	28,886 (1,255)	53,406 (2.3)	0.0	8.7	7.0	37.5	18.4	19.0	1.5	1.2	1.6	0.4	15.0	4.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,450	22,683 (985)	10,237 (0.4)	0.2	30.4	24.0	27.3	4.4	5.3	1.3	1.3	1.9	0.8	5.4	-4.2	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,800	45,876 (1,993)	45,028 (2.0)	21.1	29.4	25.7	15.2	8.1	8.6	2.2	2.1	4.6	1.1	15.5	-6.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,200	2,393 (104)	7,205 (0.3)	14.3	12.9	11.2	8.4	9.3	10.2	1.0	1.0	3.1	-4.0	11.0	-14.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	35,000	20,966 (911)	454,772 (19.8)	56.3	18.0	15.9	0.0	11.6	12.0	-	-	5.4	6.5	30.6	5.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,000	9,108 (396)	52,905 (2.3)	72.2	11.8	-	-4.0	17.9	-	-	-	2.2	0.0	15.5	-5.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	30,950	9,441 (410)	131,142 (5.7)	52.9	17.8	-	-19.0	12.1	-	-	-	6.2	5.6	23.6	-1.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	29,200	6,089 (264)	111,103 (4.8)	28.3	-	-	36.7	11.2	-	-	-	5.4	6.8	33.3	-2.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	105,600	220,699 (9,586)	311,743 (13.5)	42.5	19.4	17.9	4.0	37.5	37.0	6.5	5.6	0.8	-1.8	2.8	-2.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	187,800	120,433 (5,231)	30,110 (1.3)	36.9	22.5	19.4	7.3	25.4	26.5	5.1	4.8	-0.1	-1.2	8.6	-3.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	91,300	107,249 (4,658)	137,344 (6.0)	16.5	42.0	26.8	-51.9	11.7	18.4	3.8	4.0	1.1	-3.5	11.3	2.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,650	12,915 (561)	66,991 (2.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.3	-3.7	11.5	-19.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	136,200	71,347 (3,099)	91,685 (4.0)	10.9	46.2	21.7	-88.3	14.1	18.3	4.4	3.8	0.8	3.5	8.5	9.0
	GMD	GEMADEPT CORP	34,350	10,352 (450)	90,216 (3.9)	10.3	22.3	17.3	-57.3	7.6	9.5	1.6	1.5	2.5	2.8	23.8	5.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,250	5,314 (231)	50,027 (2.2)	38.5	11.0	7.4	78.0	8.9	12.0	0.9	0.9	4.5	0.2	10.7	4.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,420	1,941 (84)	72,634 (3.2)	46.6	-	-	-89.3	-	-	-	-	0.6	-4.2	18.0	35.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,550	10,868 (472)	105,171 (4.6)	38.0	13.0	8.1	-13.8	12.4	17.5	-	-	6.9	3.9	19.6	0.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	75,400	5,601 (243)	57,973 (2.5)	3.7	10.5	10.4	-43.9	6.5	6.7	0.7	0.7	2.0	-0.5	9.4	-3.0
	REE	REE	56,900	17,585 (764)	57,778 (2.5)	0.0	10.3	9.2	-4.5	14.2	13.7	1.4	1.3	0.4	-0.2	13.6	16.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	91,900	175,892 (7,640)	105,196 (4.6)	46.2	17.7	16.8	-18.6	19.8	20.5	3.5	3.4	2.9	4.2	22.2	6.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,100	6,650 (289)	14,933 (0.6)	31.9	13.6	10.1	-10.5	11.9	15.9	1.6	1.6	2.9	0.7	-0.4	-6.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	28,600	9,170 (398)	11,808 (0.5)	34.1	12.5	12.0	-5.1	11.2	12.4	1.5	1.5	3.2	6.7	16.3	17.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	46,200	153,074 (6,648)	1,073,709 (46.6)	18.2	10.1	8.8	25.2	23.0	22.3	2.2	1.8	1.3	6.5	20.5	11.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,500	6,848 (297)	33,166 (1.4)	36.7	10.4	11.7	0.2	8.9	7.7	0.8	0.8	3.9	0.9	14.4	-6.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	14,000	7,412 (322)	38,600 (1.7)	46.6	16.7	15.7	-4.3	8.1	8.4	1.2	1.2	3.7	1.4	17.2	0.0
	HSG	HOA SEN GROUP	28,000	12,440 (540)	256,323 (11.1)	40.0	10.1	8.7	67.9	17.1	16.1	1.6	1.4	5.7	8.7	27.3	26.4
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,850	3,293 (143)	37,473 (1.6)	97.3	9.1	8.8	21.9	10.8	11.0	0.8	0.8	3.8	3.1	21.7	3.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	59,000	71,910 (3,123)	88,268 (3.8)	4.8	22.2	18.0	-49.7	15.9	17.2	3.1	3.0	1.4	3.1	21.6	8.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	24,400	10,276 (446)	284,173 (12.3)	40.4	55.1	27.1	-11.9	1.2	2.7	0.7	0.7	4.3	4.7	47.9	50.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,650	5,712 (248)	96,673 (4.2)	36.2	8.7	8.1	-0.1	13.5	14.1	1.2	1.1	3.5	0.9	18.5	26.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	134,800	62,834 (2,729)	192,098 (8.3)	0.0	12.5	9.7	13.7	28.3	28.9	3.1	2.6	-0.1	-1.6	9.0	13.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	84,700	19,258 (836)	53,380 (2.3)	0.1	15.5	12.3	7.0	23.2	24.7	3.2	2.5	-0.2	-0.5	7.5	4.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	39,800	1,245 (054)	1,315 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.3	-2.8	-2.1	-13.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,450	2,247 (098)	40,004 (1.7)	30.2	17.7	13.5	-75.2	9.2	13.4	1.8	1.7	1.6	-3.1	16.6	-11.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,600	8,347 (363)	51,432 (2.2)	34.5	10.1	10.1	41.2	26.4	23.4	2.5	2.5	1.0	-0.6	9.4	-2.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,800	13,179 (572)	1,128 (0.0)	45.4	17.3	16.5	10.7	21.2	20.5	3.3	3.1	0.3	0.3	0.8	-3.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,000	6,001 (261)	180 (0.0)	10.4	-	-	1.7	-	-	-	-	1.3	0.0	6.7	4.6
IT	FPT	FPT CORP	77,900	61,066 (2,652)	215,520 (9.4)	0.0	15.3	13.2	15.5	25.9	26.9	3.5	3.1	2.2	1.4	22.7	31.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**

binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**

anhthd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh**

trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**

tungla@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh**

anhhttp@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**

hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**

tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**

ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu**

hieunn@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**

harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**

dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh**

danhnt@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.